



Original Article

# Agricultural Development in Japan: Experience and Implications for Vietnam

Vinh Bao Ngoc\*

*VNU University of Economics and Business,  
144 Xuan Thuy Str., Cau Giay Dist., Hanoi, Vietnam*

Received 20 March 2019

Revised 29 March 2019; Accepted 29 March 2019

**Abstract:** Currently, Japanese agriculture is leading at the top of the world in terms of quality and yield. The rising process to become the world's leading agriculture of Japan begins with changes in macro-policy level since World War II. Japan has moved from the first steps to reforming agricultural land to build self-control farmers, promoting the conversion of production structure from rice to products with increasing demand on the basis of law. From the 1990s, Japan applied more strongly the market principle in agricultural production, ensuring harmony with rural life. The article focuses on research to draw some successes in agricultural and rural development policy in Japan towards intensive agriculture with mechanization, chemistry, irrigation and electrification, from that to draw some policy implications for Vietnam in sustainable agriculture development.

*Keywords:* Agriculture, policy, development, Japan.

\* Corresponding author.

*E-mail address:* [ngocvb@vnu.edu.vn](mailto:ngocvb@vnu.edu.vn)

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnueab.4213>



## Chính sách phát triển nông nghiệp của Nhật Bản và một số hàm ý cho Việt Nam

Vĩnh Bảo Ngọc\*

*Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội,  
144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 20 tháng 3 năm 2019

Chỉnh sửa ngày 29 tháng 3 năm 2019; Chấp nhận đăng ngày 29 tháng 3 năm 2019

**Tóm tắt:** Hiện nay, nền nông nghiệp Nhật Bản đang đứng hàng đầu thế giới về chất lượng và sản lượng. Quá trình đi lên trở thành nền nông nghiệp hàng đầu thế giới của Nhật Bản bắt đầu từ những thay đổi ở tầm chính sách vĩ mô từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Nhật Bản đã đi từ các bước đầu tiên là cải cách đất nông nghiệp để xây dựng nhà nông tự chủ, thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu sản xuất từ lúa sang sản phẩm có nhu cầu ngày càng cao trên cơ sở luật pháp. Từ những năm 1990, Nhật Bản áp dụng mạnh hơn nguyên lý thị trường trong sản xuất nông nghiệp, bảo đảm hài hòa với đời sống nông thôn. Do đó, bài viết tập trung nghiên cứu những thành công trong chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn ở Nhật Bản theo hướng thâm canh với trình độ cơ giới hóa, hóa học hóa, thủy lợi hóa và điện khí hóa, từ đó rút ra một số hàm ý chính sách cho Việt Nam trong việc phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững.

*Từ khóa:* Nông nghiệp, chính sách, phát triển, Nhật Bản.

### 1. Đặt vấn đề

Từ thời cải cách Duy Tân Minh Trị vào năm 1868 cho đến nay, nông nghiệp vẫn luôn đóng vai trò trung tâm trong truyền thống và văn hóa của Nhật Bản. Trải qua nhiều giai đoạn phát triển, nông nghiệp của Nhật Bản đến nay đã đạt được nhiều thành tựu vượt trội nhờ có nền khoa học công nghệ nông nghiệp phát triển với nhiều phát minh sáng chế và kỹ thuật tiên

tiên được áp dụng thành công, mang lại giá trị lớn cho sản xuất. Những mô hình nông nghiệp hiện đại với thiết bị điều chỉnh tự động về nhiệt độ, ánh sáng, nước cho cây trồng không chỉ đem lại năng suất cây trồng cao, mà còn tránh được sâu bệnh, tránh được tác động của thời tiết bất thường và đảm bảo về mặt dinh dưỡng của nông sản. Để đạt được những thành công như vậy, Chính phủ Nhật Bản đã ban hành và thực thi rất hiệu quả nhiều chính sách thúc đẩy nông nghiệp phát triển như cải cách ruộng đất, chính sách tam nông, chính sách phát triển nông thôn...

\* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: [ngocvb@vnu.edu.vn](mailto:ngocvb@vnu.edu.vn)

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnueab.4213>

## 2. Bối cảnh và quan điểm về chính sách phát triển nông nghiệp của Nhật Bản

Nhật Bản là một trong những quốc gia có nền nông nghiệp phát triển khá đặc thù. Trước thời kỳ cách mạng Duy Tân Minh Trị (năm 1868), khoảng 80% dân số Nhật Bản làm nông nghiệp, chủ yếu là trồng lúa [1]. Tuy nhiên, cùng với quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa diễn ra sau đó, tỷ lệ nông dân, tỷ lệ đất canh tác so với tổng diện tích đất nước và tầm quan trọng của nông nghiệp trong toàn bộ nền kinh tế Nhật Bản đều giảm xuống. Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nền kinh tế Nhật Bản bị tàn phá nặng nề, cả sản xuất công nghiệp và nông nghiệp đều đạt ở mức rất thấp, nguyên liệu và lương thực trong nước rơi vào tình trạng thiếu thốn trầm trọng. Do vậy, an ninh lương thực là mục tiêu số một. Chính phủ Nhật Bản đã can dự sâu trong kiểm soát việc cung cấp và ấn định các mức giá cho một số loại hàng hóa nông phẩm ở thị trường trong nước; đồng thời hạn chế nhập khẩu một cách tối đa để khuyến khích việc tự cung tự cấp thực phẩm. Điều này dẫn tới mức giá nông phẩm cao và khuyến khích sản xuất trong nước.

Là một quốc gia có điều kiện thiên nhiên khắc nghiệt nhưng nền kinh tế Nhật Bản đã vươn lên hàng thứ 3 thế giới với nền nông nghiệp hiện đại. Nhờ việc áp dụng khoa học công nghệ và các thiết bị máy móc giúp tiết kiệm sức lao động nên dù chỉ có khoảng 3% dân số làm nông nghiệp nhưng quốc gia này vẫn cung cấp đủ lương thực cho dân số 127 triệu người và còn dư thừa để xuất khẩu [1].

Mặc dù nông nghiệp chiếm một phần tương đối nhỏ trong GDP và tổng số việc làm, đây vẫn là một lĩnh vực quan trọng vì lý do văn hóa, lịch sử và môi trường. Sản phẩm gạo đã tạo thành trụ cột cơ bản của xã hội truyền thống Nhật Bản. Thực tế, nó đã góp phần đáng kể vào việc hình thành chính sách nông nghiệp của nước này.

Nói chung, những chính sách liên quan đến phát triển nông nghiệp của Nhật Bản được vạch ra trong Kế hoạch hành động cơ bản về khu vực nông thôn, nông nghiệp và lương thực, vốn được xem xét 5 năm một lần. Chính phủ hiện tại đặt mục tiêu tăng gấp đôi thu nhập trong

ngành nông nghiệp và thu nhập ở khu vực nông thôn trong vòng 10 năm. Thực tế, kể từ năm 1996, thu nhập của nông dân đã cao hơn thu nhập của công nhân. Có thể nói, Nhật Bản quyết tâm đưa nông nghiệp trở thành ngành công nghiệp thứ 6 bằng sự kết hợp lĩnh vực chính với các ngành công nghiệp thứ cấp và tam cấp, như phân phối, chế biến hay du lịch nông nghiệp để tăng thêm giá trị [2].

## 3. Các chính sách phát triển nông nghiệp của Nhật Bản

*i) Cải cách ruộng đất – nền tảng đổi mới hình thức tổ chức sản xuất và dịch vụ cho phát triển nông nghiệp*

Trước năm 1868, lúa là nông sản chính được sản xuất theo phương pháp thâm canh thâm dụng lao động nên lĩnh vực nông nghiệp chiếm tới 70% lực lượng lao động và vẫn duy trì cách thức sản xuất lạc hậu dựa trên nền tảng phong kiến với việc mỗi hộ gia đình chỉ có một phần diện tích ruộng hạn chế [3]. Từ năm 1871 đến năm 1873, hàng loạt các cuộc cải cách đã được thực hiện, trong đó có việc ban hành các luật đất đai và thuế làm nền tảng cho chính sách tài khóa cho giai đoạn phát triển sau này. Năm 1872, Chính phủ đã tuyên bố đo lại ruộng đất, thực hiện tư nhân hóa đất đai bằng cách cấp giấy sở hữu đất đai cho người có ruộng thực tế, đất đai được định giá theo giá trị thị trường và cho phép tự do mua bán, tích tụ ruộng đất. Năm 1873, pháp lệnh về thuế được ban hành, theo đó Nhà nước đánh thuế ruộng đất bằng tiền mặt thống nhất trong cả nước thay vì đánh thuế bằng hàng hóa như thời kỳ tiền Minh Trị và với tỷ lệ thuế thấp hơn. Công cuộc cải cách ruộng đất thời kỳ này đã góp phần tăng nguồn thu nhập cho ngân sách quốc gia để giải quyết khó khăn về tài chính ban đầu, tạo nền tảng tích lũy cho chủ nghĩa tư bản Nhật Bản sau này.

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản tiến hành cải cách ruộng đất triệt để (giai đoạn 1945-1948) nhằm tạo động lực thúc đẩy nông nghiệp, đồng thời mở rộng việc mua bán nông phẩm và tăng nhanh tích lũy. Nhờ việc phân phối lại đất đai, tình trạng thuê đất đã gần như

chấm dứt vào năm 1949; vào thời điểm này, khoảng 90% đất canh tác do chính chủ sở hữu tự trồng cấy [3]. Nông dân Nhật Bản đã bắt đầu tích lũy vốn để hợp lý hóa nông nghiệp.

Để duy trì và bảo vệ những vùng đất tốt dùng cho mục đích nông nghiệp, Luật Cải tạo và phát triển những vùng đất có khả năng mở rộng sản xuất nông nghiệp được ban hành vào năm 1969. Năm 1970, Luật Đất đai nông nghiệp và Luật Hợp tác xã (HTX) nông nghiệp được sửa đổi bổ sung đã nói rộng quyền cho thuê, phát canh đất sản xuất nông nghiệp cũng như quyền quản lý cho các tập đoàn và các HTX nông nghiệp. Năm 1975, Nhật Bản triển khai chương trình “Đẩy mạnh sử dụng đất nông nghiệp” [2]. Chương trình này được thực hiện bổ sung vào năm 1980 và đóng vai trò quan trọng trong việc hoàn thiện cơ cấu sản xuất nông nghiệp. Nhờ có chính sách khuyến khích việc tích tụ, tập trung ruộng đất thông qua ngân hàng đất đai mà những người có nhu cầu phát triển sản xuất, kinh doanh có thể mua hoặc thuê đất của những người không có nhu cầu hoặc không còn sức lao động. Tuy nhiên, đa phần nông dân vẫn chỉ được sở hữu những thửa ruộng nhỏ nên hoạt động sản xuất vẫn khá manh mún, và vẫn canh tác theo phương pháp thâm dụng lao động là chính, khó áp dụng máy móc, khoa học kỹ thuật.

*ii) Đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật nông nghiệp*

Kể từ năm 1868, Nhật Bản đã chú trọng ứng dụng khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp phù hợp với điều kiện của đất nước. Chỉ trong vòng một thế hệ, nền nông nghiệp truyền thống của Nhật Bản dựa trên phương pháp thâm canh đòi hỏi nhiều lao động đã chuyển thành nền nông nghiệp chủ yếu sử dụng máy móc và kỹ thuật mới. Nhật Bản bắt đầu tập trung vào các công nghệ như: tăng cường sử dụng các loại phân hóa học; hoàn thiện công tác quản lý và kỹ thuật tưới tiêu; lai tạo giống và đưa vào sử dụng đại trà các loại giống kháng bệnh, sâu rầy và chịu rét; nhanh chóng đưa sản xuất nông nghiệp sang kỹ thuật thâm canh, tăng năng suất...

Năm 1950, sản xuất nông nghiệp của Nhật Bản đã được phục hồi xấp xỉ mức sản xuất

nông nghiệp trước chiến tranh, sản lượng tiếp tục tăng và cho tới năm 1953 đã vượt mức trước chiến tranh là 30% [1]. Đây là một thành công quan trọng trong định hướng đầu tư bởi khi sản lượng được nâng cao chính là điều kiện thuận lợi để Nhật Bản thực hiện Chương trình hiện đại hóa sản xuất nông nghiệp.

Để phát triển khoa học - kỹ thuật nông nghiệp, Nhật Bản chủ yếu dựa vào các viện nghiên cứu nông nghiệp của Nhà nước và chính quyền các địa phương. Viện Khoa học Nông nghiệp Quốc gia là cơ quan chịu trách nhiệm tổng hợp gắn kết toàn bộ các viện nghiên cứu cấp ngành thành một khối. Bên cạnh đó, các viện nghiên cứu nông nghiệp cũng tăng cường liên kết nghiên cứu với các trường đại học trong và ngoài nước, các xí nghiệp tư nhân và các hội khuyến nông, các tổ chức của nông dân nhằm giúp nông dân tiếp cận công nghệ, trang thiết bị hiện đại. Các viện nghiên cứu cũng tăng cường hợp tác với các trường đại học, các hệ thống khuyến nông, các tổ chức của nông dân để giúp nông dân tiếp cận công nghệ, trang thiết bị tiên tiến.

*iii) Phát triển sản xuất có chọn lọc, nâng cao chất lượng nông sản*

Nông nghiệp của Nhật Bản được đẩy mạnh sau khi Luật Nông nghiệp cơ bản được ban hành vào năm 1961. Luật này có mục tiêu làm tăng hiệu quả sản xuất nông nghiệp, nâng cao thu nhập của nông dân, rút ngắn khoảng cách thu nhập giữa nông thôn và thành thị, đáp ứng tốt hơn nhu cầu về lương thực thực phẩm trong nước. Luật đề ra hai phương hướng chính sách chủ yếu: (i) Phát triển sản xuất có chọn lọc, cụ thể là đẩy mạnh sản xuất những sản phẩm có nhu cầu tiêu thụ mạnh và ngày càng tăng, đồng thời giảm sản xuất những nông phẩm có sức tiêu thụ kém; và (ii) hoàn thiện cơ cấu nông nghiệp, kể cả việc phát triển những nông hộ và HTX có năng lực về quản lý kinh doanh và canh tác.

Trong thời kỳ này, nền kinh tế Nhật Bản có tốc độ tăng trưởng rất cao, giúp nước này đuổi kịp các nền kinh tế tiên tiến của thế giới. Tuy nhiên, do sự phát triển nhanh chóng của ngành công nghiệp nên dẫn đến sự khác biệt ngày càng gia tăng giữa thu nhập của hộ nông dân và

hộ gia đình khu vực phi nông nghiệp. Cũng theo Luật Nông nghiệp cơ bản năm 1961, Chính phủ Nhật Bản tìm cách tăng thu nhập của hộ gia đình bằng với thu nhập của người lao động trong khu vực công nghiệp. Để tiếp tục công cuộc cải cách đất nông nghiệp, thúc đẩy chuyên đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp, Nhật Bản còn đề ra gần 30 đạo luật khác, đồng thời nhiều lần sửa đổi Luật Đất nông nghiệp và Luật Nông nghiệp bền vững nhằm tạo hành lang pháp lý cho phát triển nông nghiệp sau này. Mặc dù vậy, đến năm 1968, số hộ nông dân có dưới 2 ha ruộng đất vẫn chiếm tới 68% tổng số hộ, gây khó khăn trong việc thúc đẩy công nghiệp hóa nông nghiệp [1]. Do đó, dù nền sản xuất công nghiệp đã đạt đến trình độ cao nhưng cơ sở hạ tầng cho nông nghiệp của Nhật Bản vẫn không theo kịp so với công nghiệp và sản xuất nhỏ vẫn chiếm ưu thế.

Mặt khác, Luật Nông nghiệp cơ bản hướng tới mục tiêu cải cách cơ cấu của ngành nông nghiệp vẫn chưa đạt được kết quả. Do có chính sách “ly nông bất ly hương” tức là phát triển doanh nghiệp nông thôn và đưa công nghiệp lớn về nông thôn để tạo sự gắn bó hài hòa phát triển nông thôn với phát triển công nghiệp, xóa bỏ khoảng cách về mức sống giữa đô thị và nông thôn; đồng thời do giá gạo cao, hộ nông dân quy mô nhỏ sống và làm việc ở các nhà máy hoặc khu văn phòng gần làng sẽ thích tự trồng lúa hơn là mua gạo đắt tiền trên thị trường nên chính phủ đã không giao đất cho hộ nông dân lao động toàn thời gian, mà 66% hộ nông dân vẫn vừa làm nông dân bán thời gian trong ngành nông nghiệp vừa tham gia sản xuất trong khu công nghiệp, lĩnh vực phi nông nghiệp. Vì vậy, kết quả để lại là các hộ nông dân quy mô nhỏ vẫn tham gia làm việc tại các nhà máy có thu nhập lớn hơn nhiều so với hộ nông dân sản xuất quy mô lớn. Vì thế, hỗ trợ giá là chính sách gián tiếp và không hiệu quả, đã tạo ra những tác dụng phụ nghiêm trọng như thặng dư gạo, phòng ngừa cải cách cơ cấu, hạn chế năng lực cạnh tranh quốc tế đối với các sản phẩm nông nghiệp của Nhật Bản.

#### *iv) Phát triển các HTX và tổ chức kinh tế dịch vụ*

Ở Nhật Bản, HTX có vai trò đặc biệt quan trọng trong phát triển nông nghiệp. Đây là tổ chức được thành lập gắn liền với các hoạt động, đời sống của nông dân nhằm mục đích cải thiện đời sống nông dân. Chính phủ Nhật Bản rất coi trọng thể chế HTX và ban hành nhiều chính sách phát triển, mở rộng. Hầu hết nông dân đều là xã viên của HTX nông nghiệp. Theo Luật Hợp tác xã nông nghiệp năm 1972, Liên hiệp Các HTX nông nghiệp quốc gia Nhật Bản chính thức được thành lập và chịu trách nhiệm thực hiện các mục tiêu về phát triển nông nghiệp và nông thôn. Hệ thống HTX nông nghiệp Nhật Bản được phân thành 3 cấp: cấp cơ sở, các liên đoàn cấp tỉnh và cấp trung ương; tạo thành một bộ máy thống nhất từ trung ương đến địa phương.

Người dân Nhật Bản được hướng dẫn, khuyến khích áp dụng quy chuẩn thực hành nông nghiệp tốt. Các nhà khoa học, doanh nghiệp và HTX phối hợp nhịp nhàng, chặt chẽ trong việc chuyên giao tiến bộ khoa học kỹ thuật cho nông dân. Các HTX nông nghiệp không chỉ làm dịch vụ đầu vào mà còn làm cả dịch vụ đầu ra cho xã viên. Những nông dân tiên phong trong việc sản xuất sản phẩm nông nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế không phải lo lắng về đầu ra sản phẩm, họ thường được ký hợp đồng bán sản phẩm cho các doanh nghiệp thu mua, chế biến và tiêu thụ với giá thành cao hơn. Các HTX nông nghiệp đã hỗ trợ bằng cách cho vay vốn với lãi suất thấp và tiến hành tiếp thị theo nhóm ở cấp độ làng xã.

Đầu những năm 2000, hệ thống HTX của Nhật Bản đã có nhiều sáng tạo và đổi mới, chuyển biến cả về cơ cấu và tầm nhìn. Mục tiêu hoạt động không chỉ bó hẹp trong việc hỗ trợ quy trình sản xuất, mà còn hướng tới quảng bá các chương trình hỗ trợ lương thực, thực phẩm, liên kết với các chương trình hỗ trợ quốc tế, mở rộng các chương trình về an ninh lương thực quốc tế, hỗ trợ các nghiên cứu nông nghiệp liên quốc gia, thiết lập hệ thống thương mại nông nghiệp. Ngoài ra, HTX Nhật Bản đã mở rộng đối tượng thành viên, cho phép các công ty tư nhân và công ty nước ngoài gia nhập HTX để

chuyên nghiệp hóa các hoạt động thương mại và marketing sản phẩm. Tất cả các nông sản sản xuất bởi HTX nông nghiệp đều phải đảm bảo một quy chuẩn chất lượng chung (nông nghiệp 3H - Healthy, High quality, High technology - sức khỏe, chất lượng cao, công nghệ cao), được gắn cùng một nhãn hàng “JA” và có thể cạnh tranh trên thị trường quốc tế [4].

Về cơ cấu, HTX chuyển dần từ ba bậc xuống hai bậc và HTX địa phương vẫn duy trì tất cả dịch vụ thiết yếu với đời sống nông dân nhưng các ngân hàng và công ty bảo hiểm của liên minh HTX cấp tỉnh được hợp nhất với cấp trung ương để nông dân có thể tiếp cận các khoản vay và các hợp đồng bảo hiểm có giá trị lớn hơn. Đến nay, toàn bộ nông dân Nhật Bản có thể tự cập nhật và chia sẻ các thông tin về giá cả thị trường nông sản, dự báo thời tiết, sự đổi mới và tiến bộ khoa học - kỹ thuật... thông qua một nền tảng trực tuyến kết nối các cá nhân với HTX. Các HTX cũng hợp tác với các trường đại học và thành lập một liên minh gọi là “Liên đoàn Đại học HTX” (NFUCA) với sự tham gia của sinh viên, giảng viên của các trường vừa là người tiêu thụ nông sản do HTX sản xuất, đồng thời quảng bá, đào tạo các công nghệ mới và liên kết thực hiện các nghiên cứu ứng dụng.

v) *Chính sách “tam nông” - thành công điển hình trong chính sách phát triển nông nghiệp của Nhật Bản*

Song song với những chính sách trên, Nhật Bản đã thúc đẩy công nghiệp hóa nông nghiệp, công nghiệp hóa nông thôn, đô thị hóa nông thôn một cách tổng thể thông qua chính sách “tam nông” tập trung vào 3 trụ cột sau:

*Trụ cột 1: Chính sách hỗ trợ nông nghiệp*  
Nhật Bản coi an ninh lương thực là mục tiêu số một, khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp trong nước thông qua việc hạn chế nhập khẩu một cách tối đa nên ngành nông nghiệp được bảo hộ rất cao. Theo Yamashita Kazuhito (2004), có hai cách để tăng thu nhập nông nghiệp là tăng giá hoặc giảm chi phí sản xuất (hoặc tăng năng suất). Năm 1967, Nhật Bản có chính sách trợ giá cho lúa gạo khá lớn, kiểm soát việc cung cấp và ấn định các mức giá cho một số loại hàng hóa nông phẩm, do đó sản

lượng gạo tăng cao đến mức dư thừa nhưng sản lượng lúa mì và hoa màu giảm [5]. Chính phủ Nhật Bản đã lựa chọn hỗ trợ giá cả hơn là hỗ trợ thu nhập trực tiếp hoặc thanh toán bù giá thiếu hụt để không bị mất chi phí hành chính và lập kế hoạch. Ngoài ra, nông dân cũng không muốn nhận tiền từ Chính phủ, mà họ muốn kiếm thu nhập bằng cách bán sản phẩm của mình. Chính vì vậy, chính sách hỗ trợ nông nghiệp kéo dài của Nhật Bản đã giúp đạt được mục tiêu của Luật Nông nghiệp cơ bản là cải thiện sự chênh lệch thu nhập giữa ngành nông nghiệp và ngành công nghiệp nhưng lại khiến giá cả lương thực cao đối với những tầng lớp có mức thu nhập thấp, gây giảm sức mua của người tiêu dùng.

*Trụ cột 2: Chính sách hỗ trợ nông dân.*  
Chính phủ Nhật Bản thường trợ cấp thông qua hệ thống liên minh HTX nông nghiệp Nhật Bản (JA). JA được thành lập năm 1962 với 3 cấp là trung ương, tỉnh và cơ sở, tạo thành một hệ thống cấu trúc hình cây lớn. Những nông dân không tham gia HTX cũng có thể nộp đơn xin trợ cấp, nhưng khó khăn hơn nhiều. Các hoạt động của JA được quy định bởi Luật HTX nông nghiệp và nhiều luật chuyên ngành. Mục đích chính của JA là nhằm trang bị cho hộ nông dân các kỹ năng sản xuất, vận động các thành viên liên kết tập trung tích lũy ruộng đất, hướng dẫn lập trang trại, nâng cao năng lực tiếp thu khoa học công nghệ, mở rộng diện tích đất nông nghiệp và nâng cao khả năng nắm bắt các yêu cầu của thị trường để họ có thể trở thành nông dân chuyên nghiệp trong nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa lớn.

HTX nông nghiệp do nông dân lập ra và Chính phủ để các HTX nông nghiệp hoạt động độc lập, nhưng vẫn có thể điều tiết hoạt động thông qua nhiều chính sách hỗ trợ. Các hộ nông dân mang sản phẩm nông nghiệp đến các HTX địa phương ký gửi bán hộ. Ngay sau khi sản phẩm được bán, HTX sẽ thanh toán tiền cho nông dân và hộ nông dân phải trả từ 2-5% hoa hồng cho các HTX. Đổi lại, nông dân được hưởng các dịch vụ của HTX theo hệ thống từ phân loại, đánh giá chất lượng chung đến hệ thống vận chuyển, giao hàng, kho lạnh bảo quản nông sản, chợ đầu mối, bán buôn, bán lẻ

và sử dụng chung các hệ thống thiết bị, nông cụ, máy móc lớn, đất tiền (như hệ thống xử lý sau thu hoạch...) và thậm chí cả các dịch vụ tài chính liên quan đến các khoản tiền gửi và vay vốn do HTX quản lý hoặc đứng ra đại diện. Những người điều hành HTX là những người được đào tạo nghiệp vụ bài bản và có kinh nghiệm trong lĩnh vực nông nghiệp để hỗ trợ nông dân về kỹ thuật và kỹ năng sản xuất. HTX cung cấp vật tư cho sản xuất nông nghiệp và các hàng hóa thiết yếu phục vụ nông dân; thành lập và quản lý quỹ phục vụ sản xuất nông nghiệp; cung cấp các dịch vụ bảo hiểm; sản xuất phân bón; chế biến các sản phẩm nông nghiệp; đại diện và bảo vệ quyền lợi của nông dân... Nhờ có chính sách hỗ trợ nông dân thông qua hệ thống liên minh HTX, đất ruộng với quy mô nhỏ đã được sắp xếp và điều chỉnh lại, giúp nâng cao sản lượng nông nghiệp và đặt nền móng cho việc áp dụng cơ giới hóa trên quy mô lớn sau này. Ngoài ra, HTX có thể tổ chức các cuộc đàm phán với các chính trị gia, vận động điều chỉnh chính sách và từ đó giúp làm giảm khoảng cách thu nhập giữa người dân thành thị và người dân nông thôn.

*Trụ cột 3: Xây dựng nông thôn mới.* Công cuộc xây dựng nông thôn mới trải qua 4 giai đoạn.

Giai đoạn đầu từ năm 1956 đến năm 1962, tập trung vào 3 nội dung chính gồm: (1) xác định khu vực xây dựng nông thôn mới; (2) xây dựng cơ chế và quy hoạch nông thôn mới; (3) tăng cường nguồn vốn đầu tư và hỗ trợ cho công cuộc xây dựng nông thôn mới. Với kế hoạch tổng thể là áp dụng xây dựng nông thôn mới đối với những làng có quy mô từ 900-1.000 hộ nông dân nên từ năm 1956 đến năm 1960, Chính phủ Nhật Bản đã chỉ định 4.548 làng là khu vực được áp dụng [1]. Các làng được chỉ định xây dựng nông thôn mới thành lập hiệp hội xây dựng nông thôn, bàn bạc, trao đổi với các ban ngành, chính quyền, đoàn thể địa phương, đề ra quy hoạch xây dựng nông thôn và xây dựng cơ chế thúc đẩy thực hiện nông thôn mới. Bên cạnh đó, Chính phủ Nhật Bản đã áp dụng phương thức hỗ trợ đặc biệt cho các làng nông thôn bằng vốn lên tới 40% tổng nguồn vốn xây dựng trong công cuộc xây dựng nông thôn mới.

Giai đoạn 2 từ năm 1960-1973 dựa trên nền tảng xây dựng nông thôn mới của giai đoạn 1, tiếp tục đẩy mạnh xây dựng cơ sở hạ tầng cho hoạt động sản xuất nông nghiệp, thu hẹp khoảng cách giữa thành thị và nông thôn, nâng cao trình độ hiện đại hóa cho nông nghiệp và nông thôn. Năm 1967, Chính phủ Nhật Bản thúc đẩy tăng cường đầu tư kinh phí xây dựng nông thôn mới hướng tới không gian sống thuận tiện bằng cách xây dựng địa điểm hoạt động vui chơi, giải trí tập thể cho nông dân, tăng cường xây dựng trường học, trung tâm y tế, sửa chữa và xây mới nhà ở cho nông dân, phổ cập nước máy và đường cống ngầm. Nhờ có chính sách đúng đắn và nguồn vốn đầu tư mạnh từ Chính phủ, giai đoạn 2 của công cuộc xây dựng nông thôn mới đã đạt hiệu quả rõ rệt, phương pháp canh tác truyền thống nhanh chóng nhường chỗ cho các máy cày, máy ủi và nhiều loại máy móc khác, năng suất nông nghiệp được nâng cao nên thu nhập của người nông dân tăng nhanh.

Giai đoạn 3 diễn ra từ năm 1974-1990. Cứ sốc khủng hoảng dầu mỏ năm 1973-1974 đã góp phần kết thúc giai đoạn phát triển thần kỳ của Nhật Bản, buộc nước này phải đẩy mạnh cải cách cơ cấu kinh tế, chú trọng phát triển các ngành công nghệ mới, ít tiêu hao nguyên liệu, năng lượng và thúc đẩy lĩnh vực dịch vụ. Bên cạnh đó, Nhật Bản bắt đầu tìm tòi con đường phát triển nông nghiệp thích hợp với mình hơn, đẩy mạnh tiến trình công nghiệp hóa nông nghiệp, công nghiệp hóa nông thôn, đồng thời áp dụng các biện pháp để thúc đẩy các hoạt động trao đổi, phổ biến kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp trên khắp cả nước. Kế thừa tinh thần xây dựng nông thôn mới của giai đoạn 1 và 2, Chính phủ chỉ đưa ra định hướng trong việc xây dựng nông thôn mới, còn mỗi địa phương phải tự chủ động tận dụng nguồn lực tùy theo điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của mình để đề xuất quy hoạch xây dựng nông thôn mới trên cơ sở lựa chọn ra những sản phẩm độc đáo, mang đậm nét đặc trưng của địa phương để phát triển. Đề xuất nổi tiếng nhất và có ảnh hưởng lớn nhất không chỉ tại Nhật Bản mà còn được nhiều nước châu Á và châu Phi học tập sau này chính là phong trào “mỗi làng một sản phẩm”

do Giáo sư Hiramatsu Morihiko, Chủ tịch tỉnh Oita khởi xướng năm 1979. Phương châm “mỗi làng một sản phẩm” không chỉ bó hẹp trong các sản phẩm nông nghiệp, mà còn bao gồm các sản phẩm du lịch gắn với nông nghiệp, lưu giữ và phát triển những nét văn hóa đặc sắc, công trình văn hóa hoặc các hoạt động lễ hội địa phương... Mô hình phát triển này nhận được sự hỗ trợ kỹ thuật, quảng bá, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm từ chính quyền địa phương cũng như nhận được sự định hướng và giúp đỡ từ Chính phủ. Kết quả đạt được của phong trào này là giúp xóa bỏ khoảng cách phát triển về kết cấu hạ tầng cho hoạt động sản xuất và đời sống của dân cư giữa thành thị và nông thôn.

Giai đoạn 4 từ sau thập niên 1990 kế thừa tinh thần của giai đoạn 3 là tiếp tục công nghiệp hóa nông nghiệp và công nghiệp hóa nông thôn, chú trọng phương châm “địa phương hóa” rồi hướng tới áp dụng mạnh hơn nguyên lý thị trường trong sản xuất nông nghiệp, rồi tiến tới tăng sức cạnh tranh quốc tế cho các sản phẩm nông nghiệp đảm bảo phù hợp với những quy tắc của WTO và thị trường nông nghiệp thế giới. Trong giai đoạn này, Chính phủ đã lần lượt đưa ra đạo luật hỗ trợ nông nghiệp như ban hành Luật Lương thực năm 1995 và Luật cơ bản về thực phẩm, nông nghiệp và nông thôn năm 1997.

*vi) Một số chính sách hỗ trợ, tái cơ cấu nông nghiệp khác*

Tháng 7/1999, Nhật Bản ban hành Luật cơ bản mới về lương thực, nông nghiệp và nông thôn thay thế cho Luật cơ bản năm 1961. Luật cơ bản mới mở rộng hơn nữa phạm vi mục tiêu của chính sách nông nghiệp. Mục tiêu mới nhấn mạnh vấn đề an ninh lương thực, vai trò đa chức năng của nông nghiệp và phát triển vùng nông thôn; chú trọng phát triển nông nghiệp bền vững bằng việc duy trì diện tích đất trồng, đảm bảo hệ thống thủy lợi và duy trì lực lượng lao động trong nông nghiệp hiệu quả, ổn định.

Năm 2000, Chính phủ Nhật Bản đã đưa ra Kế hoạch cơ bản cho lương thực, nông nghiệp và vùng nông thôn 5 năm (kế hoạch cơ bản). Kế hoạch cơ bản năm 2000 đề ra một số biện pháp quan trọng như: (i) Triển khai chương trình chi

trả trực tiếp cho nông dân ở vùng sâu vùng xa, nhằm ngăn chặn việc bỏ hoang đất và duy trì các dịch vụ môi trường của nông nghiệp; (ii) Cho phép các công ty trách nhiệm hữu hạn mua đất nông nghiệp với những điều kiện nhất định nhằm thúc đẩy sáp nhập các doanh nghiệp nông nghiệp. Kế hoạch cơ bản năm 2005 lại nhấn mạnh các vấn đề như: (i) Tăng quan trọng của những người nông dân chủ chốt, những hợp tác xã canh tác trên cơ sở làng, xã; (ii) Chú trọng tập trung đất nông nghiệp vào những nông trại sản xuất ổn định, hiệu quả; và (iii) Thúc đẩy những người mới bước vào kinh doanh nông nghiệp.

Năm 2005, Luật cơ bản về Giáo dục chế độ ăn uống đã được ban hành nhằm thúc đẩy tiêu thụ thực phẩm được sản xuất trong nước, hỗ trợ phong trào thực phẩm địa phương và đảm bảo niềm tin của người tiêu dùng đối với các sản phẩm nông nghiệp trong nước. Theo Luật, Hội đồng xúc tiến chương trình “Giáo dục chế độ ăn uống” do Thủ tướng chủ trì xây dựng kế hoạch cơ bản để thúc đẩy giáo dục chế độ ăn uống có cân bằng dinh dưỡng tốt hơn. MAFF cung cấp trợ cấp để thúc đẩy tiêu thụ gạo như khuyến khích thực đơn gạo trong bữa ăn trưa ở trường. Những chính sách này đã giảm lượng cung cấp calo hàng ngày cho mỗi người từ 2.588 kcal xuống đến 2.480 kcal vào năm 2015 và giảm tỷ lệ mỡ trong cung cấp calorie từ 29% đến 27% vào năm 2015 [5].

Ngoài ra, Nhật Bản còn triển khai nhiều chính sách tái cơ cấu nông nghiệp khác. Ví dụ, năm 2014, Chính phủ cho phép các công ty được góp vốn với nông dân mua hoặc thuê đất để trồng lúa. Chính phủ cũng cho thử nghiệm các công nghệ canh tác mới, chuỗi sản xuất kết hợp tiêu thụ và thúc đẩy xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp. Theo đó, Nhật Bản sẽ mở rộng quy mô thị trường tiêu thụ; đồng thời tăng cường sử dụng công nghệ sạch và robot trong sản xuất nông nghiệp. Chiến lược này cũng ưu tiên tăng cường hiệu quả sử dụng đất và tập trung đất đai vào các nhà sản xuất lớn để giảm chi phí sản xuất, giảm giá thành; tăng xuất khẩu lương thực đã qua chế biến; phổ biến văn hóa ẩm thực Nhật Bản trên thế giới. Năm 2015, Nhật Bản đã thực hiện hàng loạt các điều chỉnh

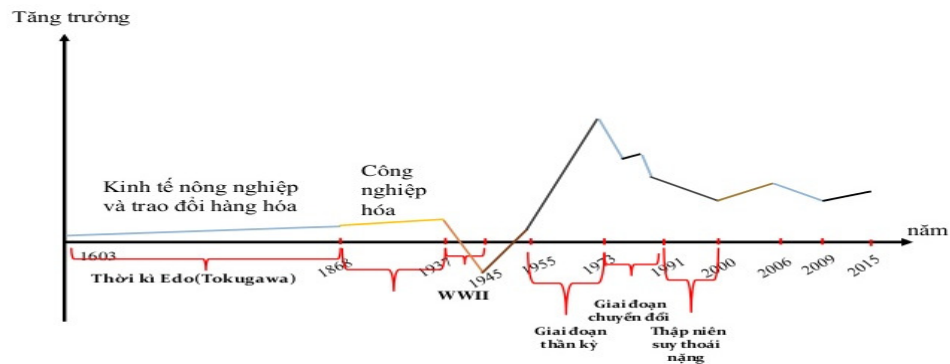


chưa từng có trong tiền lệ đối với Luật Hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp ban hành năm 1974 vào năm 2015. Những điều chỉnh này đã nói lòng việc kiểm soát “ngọt ngọt” đối với các tổ chức hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp của Nhật Bản ở cấp tỉnh, huyện, quốc gia.

#### 4. Tác dụng của chính sách phát triển nông nghiệp tới nền nông nghiệp Nhật Bản

Nhìn chung, quá trình cải cách đã mang lại những thành tựu đáng ghi nhận cho ngành nông

ng nghiệp Nhật Bản. Quá trình này dẫn tới cơ cấu nông nghiệp thay đổi cùng với sự thay đổi điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước (Biểu đồ 1). Cơ cấu sản phẩm và lực lượng lao động nông nghiệp Nhật Bản có sự thay đổi rõ rệt, nhất là từ sau khi có Luật Nông nghiệp cơ bản ra đời. Sản xuất lúa gạo có xu hướng giảm nhưng ngành chăn nuôi, rau và hoa quả lại tăng nhanh. Hiện nay, ngành nông nghiệp Nhật Bản tuy vẫn còn một số điểm yếu nhưng quá trình cải cách nông nghiệp đã thực sự giúp cho nông nghiệp của Nhật Bản phát triển đột phá.



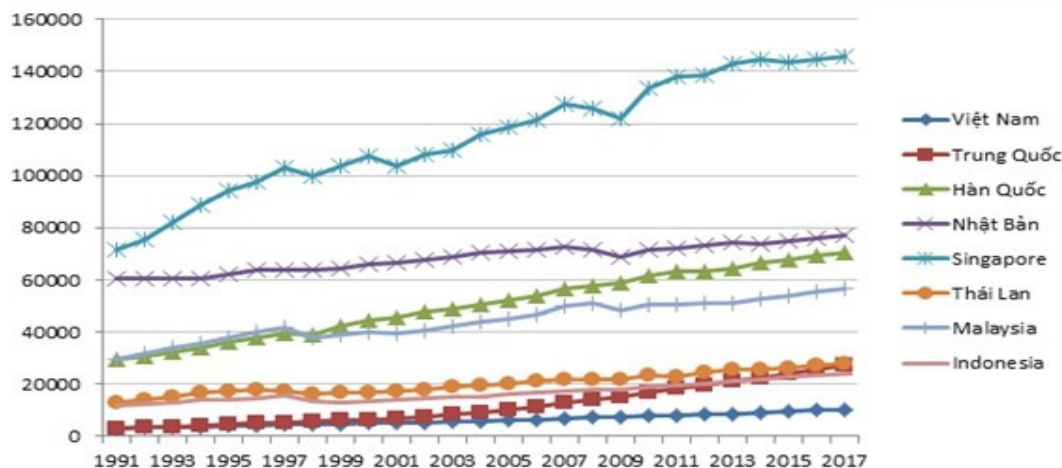
Biểu đồ 1. Phát triển kinh tế Nhật Bản qua các thời kỳ.

Nguồn: IPSARD (2015) [6].

Trong những năm 1960 và 1970, sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế Nhật Bản đã đẩy thu nhập của người dân tăng lên đáng kể. Cũng trong thời gian này, lao động trong ngành nông nghiệp giảm xuống khoảng 50%, song năng suất lao động lại tăng bình quân hàng năm từ 5-8% do tăng cường cơ giới hóa và cải tiến quy trình kỹ thuật. Đây là tỷ lệ tăng bình quân cao nhất ở những nước phát triển. Lực lượng lao động trong ngành nông nghiệp của nước này có

tốc độ già hóa nhanh, thậm chí là nhanh nhất nếu so với các nước trong khối G7 với số nông dân từ 60-65 tuổi chiếm 75% lực lượng lao động [3].

Trong giai đoạn 1991-2016, chỉ số năng suất lao động của Nhật Bản tăng trưởng ổn định và ở mức cao so với các quốc gia châu Á, hiện nay chỉ đứng sau Singapore do quốc gia này chủ yếu phát triển mạnh trong ngành dịch vụ (Biểu đồ 2).



Biểu đồ 2. Tỷ số giữa GDP và lao động giai đoạn 1991-2016.

Nguồn: Ngân hàng Thế giới (2017).

Với việc gia nhập các hiệp định thương mại tự do như Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), tuy cạnh tranh giữa các nước thành viên gia tăng nhưng cơ hội đối với ngành nông nghiệp Nhật Bản cũng rất lớn, đặc biệt khi thị trường thế giới ngày càng ưu chuộng nông sản sạch và có chất lượng cao. Vào tháng 7/2014, Nhật Bản đã công bố chiến lược cải cách nông nghiệp nhằm thay đổi hoàn toàn bộ mặt ngành nông nghiệp nước này trong vòng 10 năm. Chiến lược cải cách nông nghiệp mới tiếp tục được điều chỉnh năm 2017, đánh dấu sự chuyển hướng dứt khoát của Nhật Bản từ ưu tiên sản xuất sang tiêu thụ. Theo đó, các chương trình hỗ trợ của Chính phủ sẽ hướng đến mục tiêu chính là mở rộng quy mô thị trường tiêu thụ, đặc biệt là thị trường nước ngoài đối với hàng hóa nông nghiệp Nhật Bản. Chính phủ cũng chú trọng hoàn chỉnh hệ thống phân phối, tăng cường sử dụng công nghệ sạch và robot trong sản xuất nông nghiệp; tăng cường xuất khẩu lương thực đã qua chế biến và gia tăng sức cạnh tranh của các mặt hàng nông nghiệp. Chính phủ Nhật Bản ước tính thị trường thực phẩm toàn cầu sẽ tăng gấp đôi quy mô trong 10 năm tới để đạt mức 6,8 nghìn tỷ USD vào năm 2024 và Nhật Bản cần giành được thị phần lớn hơn trong thị trường này. Do đó, mục tiêu quan trọng nhất trong chiến lược cải cách

nông nghiệp đó là tăng hiệu quả sử dụng đất và tập trung đất đai vào các nhà sản xuất lớn để giảm chi phí sản xuất, qua đó giảm giá thành sản phẩm. Trước tình hình đó, Chính phủ Nhật Bản đã đưa ra các chiến lược cải cách ngành nông nghiệp, đồng thời xem xét nới lỏng các chính sách bảo hộ, với tham vọng đưa ngành nông nghiệp từ chỗ phải phụ thuộc vào trợ cấp tài chính của Chính phủ trở thành lĩnh vực cạnh tranh có thể mạnh của kinh tế Nhật Bản trong thời gian tới.

Hơn nữa, khi các hiệp định thương mại như CPTPP có hiệu lực, thuế nhập khẩu giảm xuống, cũng có nghĩa thách thức cho ngành nông nghiệp trong nước cũng tăng lên. Câu hỏi đặt ra là, hiện tại làm thế nào mà nông dân nước này có thể chống chọi với làn sóng hàng nhập khẩu giá rẻ. Hơn nữa, chất lượng xuất sắc của các loại nông sản Nhật Bản vẫn chưa được công nhận rộng rãi trên toàn thế giới. Tuy nhiên, chi phí xuất khẩu có thể khiến giá nông sản bị đội lên. Ví dụ, khi cộng thêm phí vận chuyển, giá hoa quả ở nước ngoài có thể đắt hơn so với trong nước khoảng 50% hoặc thậm chí nhiều hơn. Trên thực tế, mặc dù chất lượng nông sản của Nhật Bản rất tốt, song giá thành quá đắt đỏ lại chính là trở ngại lớn nhất cho nông sản Nhật Bản khi chinh phục thị trường thế giới.

Nhật Bản tham gia vào CPTPP không chỉ đơn thuần là một vấn đề chính sách thương mại quốc tế. Nhật Bản có thể sử dụng CPTPP để cạnh tranh với Trung Quốc ở vị thế dẫn đầu một khu vực mà Trung Quốc đang nổi lên nhờ các chiến lược FTA đầy tham vọng. Nhật Bản đang cố gắng tìm cho mình vị thế trong tiến trình hội nhập kinh tế ở châu Á song lại gặp rất nhiều khó khăn về chính trị trong nước như làm thế nào để giải quyết vấn đề bảo hộ nông nghiệp đang “trói buộc” nước này khỏi các đàm phán tự do thương mại.

### 5. Một số hàm ý cho Việt Nam

*Một là*, đề cao vấn đề an ninh lương thực và bảo vệ lợi ích của người nông dân. Dù ở trình độ phát triển nào thì an ninh lương thực luôn là ưu tiên hàng đầu của Nhật Bản. Bên cạnh đó, Chính phủ cũng cần kiên trì chính sách bảo hộ nền nông nghiệp để hỗ trợ người nông dân trong nước, trước hết là thực hiện giảm nghèo và đảm bảo một cuộc sống tốt hơn.

*Hai là*, kết hợp phát triển nông nghiệp với công nghiệp. Yếu tố công nghệ đóng góp một tỷ trọng rất lớn cho thành công của ngành nông nghiệp. Tại Nhật Bản, do các ngành thực phẩm chế biến phát triển mà người dân sống ở khu vực nông thôn có thêm nhiều việc làm, thu nhập được cải thiện, từ đó Nhật Bản đã tạo cho mình một thị trường nội địa đủ vốn cho hàng hóa công nghiệp tích lũy lấy đà chuyển sang xuất khẩu. Khi sản xuất hàng hóa lớn phát triển, Nhật Bản tập trung đất đai, mở rộng quy mô sản xuất, phát triển nông hộ lớn hoặc trang trại để tạo điều kiện cơ giới hóa, tăng năng suất lao động, tăng khả năng cạnh tranh.

*Ba là*, bài học từ chính sách “tam nông” đã giúp nông dân tích tụ được đất đai, cải cách các hình thức tổ chức sản xuất trong nông nghiệp và nông thôn hiệu quả. Nhờ chiến lược tiết kiệm chi phí đầu tư cho từng hộ nông dân, việc tham gia HTX đã giúp nhiều hộ nông dân không có đủ tiền để đầu tư vào hệ thống trang thiết bị, máy móc hiện đại và đất tiền nay có thể chia sẻ, dùng chung thông qua HTX. Từ kinh nghiệm phát triển hợp tác xã của Nhật Bản cho

thấy, Việt Nam cần tập trung vào một số vấn đề sau:

- Đẩy nhanh hơn nữa việc đăng ký lại hoạt động của các HTX theo Luật HTX năm 2012. Tăng cường sự liên kết chặt chẽ giữa HTX với thành viên. Quy định HTX lên kế hoạch sản xuất, điều tiết và không để xảy ra tình trạng nông dân ò ạt đua nhau trồng một loại cây trồng khi có giá cao, mà cần chú trọng hướng tới “mỗi làng một sản phẩm”.

- Đào tạo, đào tạo lại để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của HTX nông nghiệp, đẩy mạnh việc hình thành các chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm giữa nông dân, HTX và các doanh nghiệp nhằm tránh rủi ro trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Việc xây dựng mô hình HTX hoạt động hiệu quả gắn với liên kết chuỗi giá trị cần được triển khai sâu, rộng ở các địa phương, đồng thời đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, nhân rộng các mô hình HTX hoạt động hiệu quả...

- Chính phủ có thể dễ dàng xử lý các vấn đề như an toàn thực phẩm bằng việc thúc đẩy nông dân làm theo định hướng để giải quyết vấn đề qua việc trợ cấp, khuyến khích sản xuất có định hướng thông qua HTX.

- Đào tạo nông dân có khả năng tự đánh giá thị trường thông qua số liệu từ các tổ chức có uy tín trong nước được HTX tổng hợp, tư vấn. Từ quy trình công nghệ chung do HTX ban hành, các hộ nông dân tự phân công nhau lên kế hoạch nên trồng mặt hàng nào và trồng với số lượng bao nhiêu cho vừa đủ.

- Cần tạo cơ chế để Việt Nam không chỉ sản xuất thông thường mà còn gia công, chế biến nhiều sản phẩm khác nhau (kể cả sản phẩm du lịch) từ một loại nông sản.

- Không nhất thiết nơi nào cũng sản xuất theo quy mô lớn, mà điều quan trọng là phải biết khai thác lợi thế của từng địa phương. Việc ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp là rất quan trọng, nhưng Việt Nam không nên xây dựng các khu nông nghiệp công nghệ cao một cách ò ạt, nhanh chóng vì sẽ dẫn đến dư thừa lao động, tạo áp lực về mặt xã hội.

*Bốn là*, tăng cường ứng dụng công nghệ, hiện đại hóa nền nông nghiệp quốc gia. Việc ứng dụng công nghệ không chỉ giúp tăng năng

suất trong nông nghiệp mà còn giúp ngành nông nghiệp ứng phó tốt hơn với những thách thức hiện tại như biến đổi khí hậu và phát triển bền vững. Với cách hiểu này, chính sách phát triển nông nghiệp bền vững là các biện pháp của chính phủ nhằm phát triển nông nghiệp lâu dài, trong đó cân bằng ba mục tiêu vừa phát triển nông nghiệp, vừa đảm bảo công bằng xã hội (cơ chế phân phối, quản lý giá cả, chất lượng, đầu tư...), vừa bảo vệ môi trường (nông nghiệp xanh, ứng dụng khoa học công nghệ cao thay cho khai thác tài nguyên...).

### Tài liệu tham khảo

- [1] Akira Kurimoto, "Agricultural Cooperatives in Japan: An Institutional Approach, Consumer Cooperative Institute of Japan", *Journal of Rural Cooperation*. 32(2) (2004) 111-128.
- [2] Yamashita Kazuhito, *Implementation of Income Objectives in Farm Policies: A Japanese experience*, RIETI, 2004.
- [3] Hayami, Yujiro, Saburo Yamada, Masakatsu Akino, Lee Thanh Nghiep, Toshihiko Kawagoe, Masayoshi Honma, *The Agricultural Development of Japan: A Century's Perspective*, Tokyo: University of Tokyo Press, 1991.
- [4] Hoàng Hải, *Nông nghiệp châu Âu: Những kinh nghiệm phát triển*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1996.
- [5] OECD, *Evaluation of Agricultural Policy Reforms in Japan*, 2009.
- [6] IPSARD, *Report Vietnam "Green Agriculture" Strategies and Policies: Closing the Gap between Aspirations and Application*, 2015.
- [7] Đặng Kim Sơn, *Kinh nghiệm quốc tế về nông nghiệp, nông thôn, nông dân trong quá trình công nghiệp hóa*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000.
- <https://pdfs.semanticscholar.org/aafb/a8520535916cc9d256f8582b8e18492dc494.pdf>.